TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 18/2019/ HNGĐ- ST Ngày 18/10/2019 "V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn "	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phúc Ân

2. Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2019/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu dân cư P, phường H, thành phố C, tỉnh H;

- *Bị đơn:* Anh Vương Văn T1, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn A, xã L, thành phố C, tỉnh H;

Chị T,anh T1 đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:

Chị Đỗ Thị T và anh Vương Văn T1 kết hôn ngày 19 tháng 2 năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Khi đó, chị T 21 tuổi, anh T1 25 tuổi, cả hai đều

làm ruộng tại địa phương. Anh chị có thời gian yêu thương, tìm hiểu nhau được một năm thì đi đến kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh T1 ở thôn A, xã L, thành phố C, tỉnh H. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2006, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 ghen tuông vô cớ nên mỗi khi chị T ra ngoài, đi làm về là anh T1 chửi bới, đánh đập, có lời nói mạt sát, xúc phạm chị và gia đình chị. Đến năm 2014, chị không chịu đựng được nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở P, H sinh sống. Kể từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ, anh T1 không tìm đón, động viên chị về. Được khoảng một năm, chị có đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Vợ chồng không liên lạc với nhau từ đó cho đến nay. Đến năm 2018, do chị bị trục xuất về nước và về nhà bố mẹ đẻ ở P, H sinh sống mà cũng không về sinh sống cùng bố con anh T1. Chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm nên kiên quyết giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh T1. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Vương Công T sinh ngày 17/01/2003, hiện đang ở cùng với anh T1. Nếu vợ chồng ly hôn,chị đồng ý giao cháu T cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng với anh T1 là 1.000.000đồng/1 tháng kể từ tháng 10 năm 2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 20 hàng tháng. Về tài sản chung chị và anh T1 không có tài sản gì chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Theo anh T1 trình bày: Anh chị có đăng ký kết hôn, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương như chị T trình bày. Quá trình anh chị chung sống cùng với nhau tại gia đình nhà anh từ năm 2002. Do kinh tế gia đình khó khăn nên đến năm 2005, anh chị có bàn nhau cho chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu, anh chị vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, chị T có gửi tiền về cho anh ở nhà nuôi con chung. Đến năm 2008, chị T hết hạn hợp đồng, có về chung sống cùng với anh và bố mẹ anh ở thôn A, L. Nhưng chị T bắt đầu thay đổi tình cảm dành cho anh. Chị cho rằng anh quê mùa, hôi hám, không cho anh ngủ cùng. Nhiều lần, vợ chồng đã xảy ra cãi cọ, mâu thuẫn nhau nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2008. Sau đó,chị T đi đâu, làm gì, cũng không nói cho anh và gia đình. Anh chỉ được nghe thông tin qua con là chị T tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại đảo Síp. Từ đó, vợ chồng anh chị không liên lạc, chia sẻ gì với nhau. Nay chị T về nước khi nào cũng không thông báo cho anh, chị T xin ly hôn anh, anh không đồng ý mà muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dậy con cái. Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung như chị T trình bày. Nếu vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, vì cháu ở với anh và ông bà nội từ nhỏ. Anh có yêu cầu chị T cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh với trưởng thôn A, bố đẻ anh T1 và mẹ đẻ chị T xác nhận: Chị T và anh T1 kết hôn với nhau từ năm 2002. Quá trình anh chị chung sống cùng với nhau có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng, có lúc còn xảy ra xô xát. Đến năm 2005, chị T có đi xuất khẩu lao động. Từ đó cho đến nay, chị T không còn thường xuyên sinh sống cùng anh T1 mà chỉ sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ ở P, H cũng như không gửi tiền về cho anh T1 để chăm lo cuộc sống gia đình. Vợ chồng cũng không liên lạc, trò chuyện, chia sẻ gì với nhau từ đó. Nay chị T xin ly hôn

anh T1, theo gia đình anh T1 muốn anh chị về đoàn tụ cùng nuôi dậy con cái, còn theo gia đình chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh T1.

Tại phiên tòa:

Chị T và anh T1 đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T ly hôn anh T1. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Vương Công T, sinh ngày 17/01/2003 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh T1 là 1.000.000đồng/1 tháng kể từ tháng 10 năm 2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 20 hàng tháng. Về quan hệ tài sản: Không đề nghị giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Đỗ Thị T khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với anh Vương Văn T1 có địa chỉ cư trú tại xã L, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Vương Văn T1 là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do, chị T vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Vương Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 19/02/2002 tại UBND xã L, thành phố C nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian đầu, anh chị sinh sống hòa thuận, đến năm 2004 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị thiếu lòng tin ở nhau nên nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng. Đến năm 2008, mâu thuẫn vợ chồng diễn ra trầm trọng. Nguyên nhân là do anh chị không còn tin tưởng nhau về tình cảm và kinh tế. Chị T đã về nhà ngoại sinh sống, đi đâu, làm gì cũng không thông báo cho anh T1. Anh T1 cũng không tìm đón chị T về. Vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau kể từ

đó cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị ban đầu chỉ là ghen tuông, thiếu niềm tin, hiểu lầm, xô xát trong gia đình. Sau đó, anh chị không tìm biện pháp khắc phục, tháo gỡ mà bỏ mặc nhau, không quan tâm cả về tình cảm lẫn kinh tế từ năm 2008 cho đến nay nên Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của anh chị lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bản thân anh T1 và gia đình anh T1 muốn anh chị về đoàn tụ, cùng nuôi dậy con cái nhưng khi Tòa án thành phố C tổ chức hai phiên hòa giải tại trụ sở UBND xã L, thành phố C, anh T1 đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh T1 vắng mặt không có lý do chính đáng là nhằm gây khó khăn cho chị T. Nay xét thấy anh T1 không có biện pháp cải thiện quan hệ vợ chồng, yêu cầu ly hôn của chị T phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Con chung của anh chị là Vương Công T, sinh ngày 17/01/2003. Khi ly hôn, xét nguyện vọng anh T1 và chị T đồng ý giao con chung cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu T và phù hợp với điều kiện thực tế của anh chị và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu T cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh T1 là 1.000.000đồng/1 tháng kể từ tháng 10 năm 2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 20 hàng tháng.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị T và anh T1 không không có tài sản gì chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và chịu án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị T ly hôn anh Vương Văn T1.

- Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Vương Công T, sinh ngày 17/01/2003 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh Tư là 1.000.000đ/1 tháng kể từ tháng 10 năm 2019 cho đến

khi con chung tròn 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 20 hàng tháng.

Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản, nợ: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0001377 ngày 27/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H. Chị T còn phải nộp 300.000đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố C;
- Các đương sự;
- UBND xã L, thành phố C(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thu Hương